

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐẤT LÂM NGHIỆP Ở KHU VỰC TÂY NGUYÊN

Đình Văn Tuyền¹, Bùi Thị Minh Nguyệt²,
Là Nguyễn Khang², Trần Quang Bảo²

TÓM TẮT

Bài báo này trình bày kết quả đánh giá thực trạng sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp vùng Tây Nguyên. Hiện tại, diện tích đất lâm nghiệp hiện đang sản xuất nông nghiệp (bao gồm cây công nghiệp và cây nông nghiệp) toàn vùng Tây Nguyên là 208.265 ha, trong đó đất quy hoạch rừng đặc dụng là 4.062 ha, đất quy hoạch rừng phòng hộ là 39.497 ha và đất quy hoạch rừng sản xuất là 164.707 ha. Trên diện tích đất này, người dân địa phương chủ yếu trồng cây công nghiệp lâu năm (điều, cà phê, tiêu, bơ, sầu riêng...) và cây nông nghiệp ngắn ngày (ngô, sắn, đậu...). Kết quả điều tra cho thấy, việc trồng xen cây lâm nghiệp không những không ảnh hưởng nhiều đến năng suất cà phê, mà còn làm cho chất lượng cà phê được nâng cao, do có cây che bóng và giảm chi phí tưới nước cho cà phê (98,2% người được phỏng vấn đồng ý). Diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp hiện chủ yếu được hình thành do: (i) đất nông nghiệp được người dân sản xuất lâu đời nằm xen kẽ được đưa vào quy hoạch lâm nghiệp; (ii) đất lâm nghiệp được giao khoán để phát triển rừng nhưng người dân sử dụng sai mục đích chuyển sang sản xuất nông nghiệp; (iii) đất lâm nghiệp bị xâm lấn trái phép để sản xuất nông nghiệp của người dân địa phương, đây là nguyên nhân chính dẫn đến mất rừng ở Tây Nguyên.

Từ khóa: Sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, xâm lấn đất, Tây Nguyên.

1. ĐẤT VÀN ĐÉ

Tây Nguyên là một trong những vùng có tiềm năng lớn về tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp của Việt Nam. Diện tích tự nhiên trên 5,4 triệu ha gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Thực tế phát triển Tây Nguyên cho thấy sau gần 30 năm đổi mới, mặc dù đã có bước tăng trưởng đáng kể, song đã bộc lộ nhiều bất cập, thiếu bền vững: trong khai thác sử dụng tài nguyên rừng, đất, nước, khoáng sản và thiếu bền vững trong quản lý phát triển lãnh thổ. Hệ quả là tài nguyên rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn cạn kiệt tới mức báo động, tài nguyên đất thoái hóa lan rộng trên 33% và xuất hiện hoang mạc hóa trên 11%, hạn hán, lũ lụt ngày càng gia tăng (Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2016).

Rừng tự nhiên ở Tây Nguyên phân bố chủ yếu ở các vùng đồi núi, nơi đây cũng là vùng sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số, có tập quán sinh kế, văn hóa xã hội truyền thống gắn liền với rừng. Tài nguyên rừng và đất rừng ở đây không những là nguồn lực sinh kế đặc biệt của người dân Tây Nguyên, mà còn

có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường sinh thái, ổn định xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước. Tuy vậy, tình trạng phá rừng, mất rừng ở Tây Nguyên do khai thác gỗ, lấy đất sản xuất, chuyển mục đích sử dụng... đã và đang làm diện tích và chất lượng rừng suy giảm một cách nghiêm trọng (Tổng cục Lâm nghiệp, 2017).

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT (2016), nguồn tài nguyên rừng Tây Nguyên đang bị suy thoái nghiêm trọng cả về số lượng lẫn chất lượng, dẫn đến đa dạng sinh học cũng bị suy giảm, kéo theo nguy cơ "sa mạc hóa" cũng đã xuất hiện ở một số vùng nơi đây. Tỷ lệ rừng tự nhiên giàu chỉ còn 11,8%; rừng tự nhiên trung bình là 32,7%; còn lại 55,5% là rừng nghèo kiệt, rừng phục hồi, rừng hỗn giao gỗ - tre nứa, rừng tre nứa... ở những diện tích rừng này các loại gỗ quý có giá trị cao còn rất hiếm, chỉ có ở các vùng xa xôi, hiểm trở, các loại thảo dược quý hiếm cũng bị khai thác cạn kiệt, số lượng đồng vật rừng giảm mạnh....

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến mất rừng và suy thoái rừng ở Tây Nguyên là phá rừng, lấn chiếm đất rừng để lấy đất canh tác, sản xuất nông nghiệp và trồng cây công nghiệp. Bài viết này trình bày thực trạng sản xuất nông nghiệp trên

¹ Cục Kiểm lâm, Tổng cục Lâm nghiệp

² Trường Đại học Lâm nghiệp

đất làm nghiệp ở khu vực Tây Nguyên làm cơ sở nhằm đề xuất giải pháp ổn định sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân gắn với phục hồi, bảo vệ và phát triển rừng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp kế thừa tài liệu

- Thu thập, tổng hợp các định hướng và mục tiêu chung đã được quy định tại các văn bản như: Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020; Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016-2020; đề án tái cơ cấu ngành lâm nghiệp; quyết định phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng của các tỉnh; định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến 2020; quy hoạch sử dụng đất đai các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2020 và các quy hoạch ngành khác có liên quan đã được phê duyệt.

- Kế thừa các thông tin từ liệu, tài liệu hiện trạng quy hoạch từ các cơ quan Trung ương và địa phương, các tổ chức quốc tế, các trường đại học và các viện nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến lâm nghiệp; các số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê và thống kê của các tỉnh.

2.2. Phương pháp khảo sát thực địa kết hợp với

phỏng vấn

- Điều tra thu thập bổ sung thông tin, số liệu thống kê có liên quan tại 5 tỉnh về hiện trạng rừng và tình hình sử dụng đất làm nghiệp

- Điều tra, đánh giá và phỏng vấn hiện trạng sản xuất nông nghiệp trên đất làm nghiệp tại một số vùng đại diện trên địa bàn 5 tỉnh khu vực Tây Nguyên với các bên liên quan bao gồm: 10 cán bộ kiểm lâm cấp tỉnh trong 5 tỉnh vùng Tây Nguyên; 30 cán bộ đại diện cho các chủ rừng Nhà nước (Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ, công ty lâm nghiệp nhà nước...); 30 hộ gia đình cá nhân có liên quan đến việc sử dụng đất làm nghiệp để sản xuất nông nghiệp tại một số khu vực đại diện của 5 tỉnh vùng Tây Nguyên.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Biến động tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp vùng Tây Nguyên

Theo số liệu tổng hợp của Chi cục Kiểm lâm vùng IV (2018), khoảng 0,56 triệu ha rừng, tương đương với 4,2% tổng diện tích rừng ở Tây Nguyên đã bị mất trong giai đoạn 2010-2017 (Bảng 1).

Bảng 1. Thay đổi diện tích rừng ở Tây Nguyên từ 2010-2017

Năm	Tổng diện tích rừng (ha)	Diện tích rừng (ha)						Rừng ngoài quy hoạch (ha)	Tỷ lệ che phủ (%)
		Tổng	Theo nguồn gốc		Theo chức năng				
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất		
2017	1.731.186	1.674.208	1.520.816	153.392	358.264	348.056	967.888	56.978	47,0
2016	1.995.501	1.912.840	1.739.977	172.863	392.027	387.547	1.133.266	82.661	45,1
2015	1.999.145	1.920.134	1.749.635	170.499	392.053	388.274	1.139.805	79.011	45,2
2014	1.988.990	1.911.296	1.755.759	155.537	391.960	388.401	1.130.935	77.694	45,1
2013	2.275.926	2.269.177	2.044.252	224.925	389.754	400.489	1.478.933	6.749	51,1
2012	2.306.135	2.275.599	2.054.154	221.445	385.731	392.998	1.496.870	30.536	51,5
2011	2.281.278	2.251.003	2.065.828	185.175	385.884	393.163	1.471.957	30.275	50,9
2010	2.289.909	2.230.462	2.089.730	140.733	386.800	393.498	1.450.164	59.447	51,2
Thay đổi 2017-2010	-558.723	-556.254	-568.913	12.660	-28.535	-45.442	-482.276	-2.470	-4,2
ha/năm	-79.818	-79.465	-81.273	1.809	-4.076	-6.492	-68.897	-353	-0,6

Nguồn: Số liệu theo dõi diễn biến của Chi cục Kiểm lâm các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng từ năm 2010 đến 2017

Tốc độ mất rừng tự nhiên trung bình vào khoảng 80.000 ha/năm (chiếm 0,6%). Tỷ lệ phá rừng cao nhất xảy ra trong rừng tự nhiên, mất rừng trong các khu rừng đặc dụng tương đối thấp (13% tổng diện tích

rừng bị mất ở Tây Nguyên) so với rừng sản xuất (87% diện tích rừng bị mất ở Tây Nguyên). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến mất rừng và suy thoái rừng ở Tây Nguyên, một số nguyên nhân chính bao gồm: (i)

khai thác gỗ hợp pháp và bất hợp pháp, (ii) chuyển đổi rừng cho nông nghiệp, bao gồm cả cây lâu năm và rừng trồng có giá trị cao (cao su, cà phê, sắn và các mặt hàng khác), (iii) chuyển đổi rừng cho cơ sở hạ tầng, đặc biệt là thủy điện và (iv) tăng dân số, chủ yếu là do di cư. Tuy nhiên theo kết quả khảo sát cho thấy nguyên nhân quan trọng và mang tính chất then chốt nhất là: do phá rừng, lấn chiếm đất rừng để lấy đất canh tác, sản xuất nông nghiệp và trồng cây công nghiệp.

3.2. Thực trạng sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp vùng Tây Nguyên

3.2.1. Diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

Sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp để cấp đến các vùng đất lâm nghiệp được người dân,

cộng đồng địa phương trồng cây lâu năm và cây hàng năm, trừ trồng cao su. Những vùng đất này hiện nay đang sản xuất nông nghiệp nhưng được quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp. Theo kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng các tỉnh Tây Nguyên đến tháng 10/2018, sơ bộ xác định diện tích đất lâm nghiệp hiện đang sản xuất nông nghiệp (bao gồm cây công nghiệp và cây nông nghiệp) toàn vùng Tây Nguyên là 208.265 ha, trong đó đất quy hoạch đặc dụng là 4.062 ha; đất quy hoạch phòng hộ là 39.497 ha và đất quy hoạch sản xuất là 164.707 ha (Bảng 2). Trên diện tích đất này, hiện nay chủ yếu được người dân địa phương trồng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (điều, cà phê, tiêu, bơ, sầu riêng...) và cây nông nghiệp ngắn ngày (ngô, sắn, đậu,...).

Bảng 2. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp phân theo ba loại rừng ở vùng Tây Nguyên

Tỉnh	Diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp phân theo ba loại rừng (ha)			
	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Tổng
Kon Tum	326,54	2.213,74	17.456,85	19.997,13
Gia Lai	1.325,41	10.143,35	56.811,62	68.280,38
Đắk Lắk	1.710,36	1.627,61	28.514,76	31.852,73
Đắk Nông	465,99	8.598,54	26.907,31	35.971,84
Lâm Đồng	234,08	16.913,29	35.016,04	52.163,41
Tổng	4.062,38	39.496,53	164.706,58	208.265,49

Nguồn: Kết quả rà soát quy hoạch ba loại rừng do Chi cục Kiểm lâm các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng cung cấp tính đến tháng 10/2018

Diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp hiện chủ yếu được hình thành do: (i) đất nông nghiệp được người dân sản xuất lâu đời nằm xen kẽ được đưa vào quy hoạch lâm nghiệp; (ii) đất lâm nghiệp được giao khoán để phát triển rừng nhưng người dân sử dụng sai mục đích chuyển sang sản xuất nông nghiệp; (iii) xâm lấn rừng trái phép để sản xuất nông nghiệp của người dân địa phương -

đây là nguyên nhân chính dẫn đến mất rừng ở Tây Nguyên cũng đã góp phần mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp. Kết quả phân tích biến động sử dụng đất lâm nghiệp cho thấy, trong giai đoạn 2014-2017, 13% diện tích rừng bị mất đã được chuyển sang sản xuất nông nghiệp như cà phê, sắn, tiêu hoặc cây hàng năm.



a



b

Hình 1. Một số mô hình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên

(a: cà phê + cao su; b: cà phê + tiêu + mướp)

Chuyển đổi đất cho sản xuất nông nghiệp là một trong những động lực chính gây mất rừng ở cả rừng tự nhiên và rừng trồng ở Việt Nam. Nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc nhiều vào các sản phẩm nông nghiệp và xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên. Việt Nam là một trong những quốc gia xuất khẩu cà phê, cao su và hạt tiêu lớn nhất thế giới. Tây Nguyên là khu vực có đất bazan và địa hình bằng phẳng, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là Cà phê và một số cây trồng nông nghiệp khác.

Tổng diện tích trồng cà phê ở Tây Nguyên tăng từ 567.501 ha năm 2013 lên 587.061 ha năm 2016 (Niên giám Thống kê tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, 2017). Hiện nay, Tây Nguyên chiếm gần 90% diện tích trồng cà phê cả nước. Đắk Nông (203.737 ha), Đắk Lắk (123.568 ha) và Lâm Đồng (160.610 ha) là những tỉnh có diện tích trồng cà phê lớn nhất ở Tây Nguyên, tăng cao nhất trong giai đoạn 2013-2016 ở Đắk Lắk (6.211 ha) và Lâm Đồng (5.438 ha). Riêng ở Lâm Đồng, tính đến tháng 10/2018 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định có khoảng 52.000 ha đất lâm nghiệp do các Ban quản lý rừng và Công ty lâm nghiệp nhà nước quản lý hiện đang bị xâm lấn để hình thành các trang trại cà phê.

Gần đây hơn, việc mở rộng diện tích trồng sắn là nguyên nhân chính dẫn đến mất rừng ở Tây Nguyên. Tổng diện tích trồng sắn trong vùng tăng từ 147.608 ha năm 2013 lên 157.121 ha năm 2016 (Niên giám Thống kê tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, 2017). Năm 2016, Tây Nguyên chiếm 28% diện tích trồng sắn cả nước. Kon Tum, Gia Lai và Đắk Nông có diện tích trồng sắn lớn nhất trong vùng. Ở Gia Lai và Kon Tum, việc mở rộng diện tích trồng sắn là nguyên nhân chính của việc lấn chiếm đất lâm nghiệp. Cụ thể tỉnh Gia Lai đã quy hoạch 50.000 ha, nhưng diện tích trồng sắn đã lên đến 65.000 ha vào năm 2017 (tăng 17% so với năm 2013). Tỉnh Kon Tum đã quy hoạch 28.000 ha, nhưng diện tích thực tế đã gần 40.000 ha vào năm 2017 (ổn định so với năm 2013). Tỉnh Đắk Nông diện tích đã tăng 22% so với quy hoạch và đạt mức 36.000 ha vào năm 2017.

Diện tích trồng sắn được mở rộng do lợi thế của việc trồng sắn đối với nông dân nghèo, đặc biệt là sắn có thể được trồng với chu kỳ thu hoạch ngắn và sinh trưởng được ở những vùng có địa hình dốc. Trồng sắn cũng không yêu cầu các kỹ thuật trồng

trọt đầu vào cao và/hoặc chi phí đầu tư cao. Với nhiều hộ nghèo việc trồng sắn là cơ hội cải thiện sinh kế của họ, điều này gây khó khăn cho các cơ quan quản lý trong việc giám định tích trồng sắn. Rõ ràng, việc trồng sắn là một mối đe dọa liên tục đối với độ phì nhiêu của đất và rừng ở Tây Nguyên, đặc biệt là ở Kon Tum, Gia Lai và Đắk Nông.

Bên cạnh cà phê, sản rừng tự nhiên ở Tây Nguyên cũng bị chặt phá vì mục đích trồng các loại cây có giá trị thương mại cao khác như tiêu, điều và một số cây sinh trưởng nhanh. Trong những năm gần đây, nhiều loại cây trồng thương mại như vậy đã thay thế các cây trồng hàng năm có giá trị thấp hơn phục vụ mục đích thực phẩm và sinh kế địa phương, từ đó thúc đẩy nông dân lấn chiếm đất lâm nghiệp hoặc chuyển đổi đất rừng để sản xuất nông nghiệp vì mục đích sinh kế. Một phần đáng kể diện tích rừng bị mất do canh tác nương rẫy trồng cây hàng năm có thể được coi là gián tiếp thúc đẩy việc mở rộng cây lâu năm sang các khu vực trước đây được sử dụng cho cây hàng năm.

3.2.2. Hiệu quả một số mô hình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

Cây trồng nông nghiệp trên diện tích đất lâm nghiệp được người dân trồng rất đa dạng, bao gồm có cây công nghiệp lâu năm (cà phê, chè, tiêu), cây công nghiệp hàng năm (dầu tấm, sắn), cây ăn quả (bơ, chanh dây, sầu riêng, cam, quýt, mít, chuối, hồng...), cây rau đậu, hoa cây cảnh (rau, hoa, wasabi, dàu, thom), cây lương thực (ngô, lúa, bo bo), một số loài cây đa mục đích thuộc danh mục trồng trên đất lâm nghiệp và nông nghiệp (mắc ca, điều, cao su). Để có cơ sở để xuất phát pháp ổn định sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững trong nghiên cứu đã đánh giá hiệu quả kinh tế của các mô hình trồng xen cây lâm nghiệp với cây cà phê trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Trong đó mô hình cho doanh thu cao nhất là cà phê + mắc ca đạt 255,5 triệu đồng/ha, tiếp đến là mô hình cà phê + mắc ca + sầu riêng + bơ đạt 231,2 triệu đồng/ha; các mô hình còn lại đều đạt trên 100 triệu đồng/ha. Như vậy, có thể nói doanh thu các mô hình trồng xen cây lâm nghiệp trên đất đang trồng cây công nghiệp (cà phê) có hiệu quả cao hơn so với trồng độc canh cây cà phê (doanh thu trung bình đối với cây cà phê trồng thuần loại hiện nay ước tính chỉ khoảng 80-90 triệu đồng/ha).

Bảng 3. Doanh thu của một số mô hình trồng xen cây lâm nghiệp với cà phê tại tỉnh Lâm Đồng năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng/ha

TT	Dạng mô hình	Loại cây					Tổng
		Cà phê	Hồ tiêu	Mắc ca	Sầu riêng	Bơ	
1	Cà phê + mắc ca + sầu riêng + bơ	31,5		3,2	92,2	104,3	231,2
2	Cà phê + hồ tiêu + muồng đen	57,0	50,2			37,7	144,9
3	Cà phê + muồng đen	70,8				37,7	108,5
4	Hồ tiêu + muồng đen		68,6			37,7	106,3
5	Cà phê + mắc ca	68,8		186,7			255,5
Trung bình		57,0	59,4	95,0	92,2	104,3	169,3

Hiệu quả kinh tế các loại cây trồng xen trên vườn cà phê tại tỉnh Lâm Đồng thể hiện qua bảng 4.

Theo kết quả đánh giá cho thấy, hiệu quả kinh tế của mô hình trồng xen cà phê với sầu riêng và bơ đang là các mô hình cho lợi nhuận cao nhất. Về doanh thu, sầu riêng và bơ đạt cao (tổng doanh thu đạt trên 192 triệu đồng/ha/năm), cây hồng và cây hồ

tiêu có doanh thu thấp do từ năm 2017 đến nay giá giảm mạnh (đạt 54-67,5 triệu đồng/ha/năm). Về chi phí, với mật độ thấp nên chi phí đầu tư cho các cây trồng xen không quá cao, khoảng trên 10 triệu đồng/ha (riêng cây mắc ca có mức đầu tư cao nhất là trên 20 triệu đồng/ha - trong đó giá mua cây giống là khá cao).

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế các loại cây trồng xen trên diện tích trồng cà phê tỉnh Lâm Đồng năm 2018

Loại cây	Mật độ (cây/ha)	Năng suất (kg/ha)	Giá bán trung bình (đồng/kg)	Tổng thu (triệu đồng/ha)	Tổng chi (triệu đồng/ha)	Lợi nhuận (triệu đồng/ha)
Cà phê	1.100	3.000	36.300	108,9	51,3	57,6
Mắc ca	165	1.300	80.000	104	21,2	82,8
Sầu riêng	90	4.800	40.000	192,0	13,4	178,6
Bơ	90	4.000	55.000	192,5	15,9	176,6
Hồ tiêu	370	600	90.000	54,0	18,3	35,7
Hồng	90	2.700	25.000	67,5	19,5	48,0

Lợi nhuận trung bình các mô hình trồng xen là 186,36 triệu đồng/ha và cao hơn gấp đôi so với trồng cà phê độc canh. Hiệu quả kinh tế của các mô hình

trồng xen chênh lệch nhau rất lớn tùy thuộc vào việc sử dụng loại cây trồng xen, giống, mật độ trồng cũng như trình độ thâm canh của nông hộ.

Bảng 5. Hiệu quả kinh tế của các loại cây lâm nghiệp trồng xen với cà phê tại Lâm Đồng năm 2018

TT	Loại cây	Mật độ (cây/ha)	Năng suất	Giá bán	Tổng thu (triệu đồng/năm)	Tổng chi (triệu đồng/năm)	Lợi nhuận bình quân năm (triệu đồng/năm)
1	Cà phê	1000	3.200 kg	35.000 đ/kg	112,0	55,0	57,0
2	Mắc ca	250	750 kg	150.000 đ/kg	112,5	17,5	95,0
3	Muồng*	160	32 m ³	12.000.000 đ/m ³	384,0	7,0	37,7

Ghi chú: * Cây muồng đen có chu kỳ 10 năm vì vậy lợi nhuận bình quân được chia cho cả 10 năm của chu kỳ kinh doanh.

Mặc dù có nhiều loài được sử dụng để trồng xen trên đất trồng cà phê, tuy nhiên trong các loài đó có ba loài được công nhận là cây lâm nghiệp đó là cây muồng đen, điều và cây mắc ca (Mắc ca được công

nhận là cây trồng lâm nghiệp theo Quyết định 4961/QĐ-BNN-TCLN ban hành danh mục các loài cây chủ lực cho trồng rừng sản xuất và danh mục các loài cây chủ yếu cho trồng rừng theo các vùng sinh

thái lâm nghiệp). Muồng là cây lâm nghiệp chi cho sản phẩm là gỗ, với chu kỳ kinh doanh khoảng 10 năm, mật độ trồng xen khoảng 160 cây/ha thì sau 10 năm có thể cho 384 triệu đồng/ha sau khi trừ chi phí thì bình quân mỗi năm cũng đạt lợi nhuận là 37,7 triệu đồng. So với các cây ăn quả khác thì hiệu quả kinh tế từ mô hình trồng xen cà phê với cây lâm nghiệp thấp hơn, thời gian cho thu nhập dài hơn.

Mặc dù trồng xen các loài lâm nghiệp trên vườn cà phê, nhưng năng suất cà phê vẫn đạt ở mức khá cao (trung bình 3,2 tấn nhân/ha). Như vậy các cây trồng xen, kể cả cây lâm nghiệp không ảnh hưởng nhiều đến năng suất cà phê. Kết quả phỏng vấn các hộ gia đình cho thấy, có đến 98,2% số người được hỏi đều cho rằng so với mô hình trồng cà phê thuần loài, mô hình trồng xen cây lâm nghiệp và một số cây ăn quả khác vào vườn cà phê không những không ảnh hưởng nhiều đến năng suất cà phê mà lượng nước tưới cho cà phê cũng giảm vì cây lâm nghiệp có tác dụng che bóng, giảm cường độ ánh sáng chiếu xuống mặt đất nên đất được giữ ẩm hơn, vì vậy lượng nước tưới cũng giảm. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả nhiều mặt thì tỷ lệ cây lâm nghiệp trồng xen phải phù hợp không được trồng với mật độ quá dày sẽ làm ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng của cà phê. Cần cần nhắc loài cây trồng để đảm bảo phù hợp về mặt kỹ thuật, không ảnh hưởng đến chất lượng cà phê.

3.2.3. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng phát triển sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

Tây Nguyên có dân số gần 5,7 triệu người, trong đó 36,5% là người dân tộc thiểu số. Đây là khu vực nghèo thứ hai của Việt Nam. Áp lực dân số tăng đã có tác động đáng kể đến độ che phủ rừng. Trong năm 2015, có đến 88.603 ha rừng trong vùng đã bị chặt bất hợp pháp, bởi cả người dân tộc thiểu số và người di cư, để lấy đất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hoặc sử dụng tài nguyên rừng.

Khí hậu, đất đai vùng Tây Nguyên phù hợp với các loài cây công, nông nghiệp có giá trị. Giá một số mặt hàng nông sản (cà phê, cao su, sắn, điều...) tăng mạnh, dẫn đến tình trạng xâm lấn, chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở ạt, phá rừng trái pháp luật lấy đất trồng những loài cây có giá trị thương phẩm cao, chưa chú trọng đến công tác trồng rừng.

Công tác quản lý rừng và đất lâm nghiệp còn bộc lộ nhiều yếu kém và chậm triển khai trên thực tế,

nhất là chủ trương xã hội hóa công tác quản lý bảo vệ rừng

+ Công tác giao đất, giao rừng ở Tây Nguyên thực hiện chậm. Theo kết quả theo dõi diễn biến rừng, mặc dù đã thực hiện công tác rà soát hiện trạng rừng của các công ty lâm nghiệp theo Nghị quyết số 28-NQ/TW và Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị, nhưng rừng ở Tây Nguyên vẫn chủ yếu giao cho các tổ chức quản lý, cụ thể: tổng diện tích lâm nghiệp đã giao quản lý, sử dụng là: 2.630.218,4 ha, chiếm 78,3% tổng diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp; trong đó: giao cho các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng: 1.271.242,2 ha (37,8%), các tổ chức: 1.228.388,1 ha (36,6%), hộ gia đình, cá nhân: 103.497,2 ha (3,1%), cộng đồng: 27.091,0 ha (0,8%), UBND xã quản lý: 727.138,4 ha (21,7%).

+ Do việc thực hiện công tác giao đất, giao rừng và khoán bảo vệ rừng còn hạn chế, nên tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất rừng còn diễn ra phức tạp, trong đó tranh chấp trong diện tích đất đã giao quyền sử dụng đất là 197.365 ha, chiếm 70%; tranh chấp thuộc diện tích chưa giao quyền sử dụng đất là 85.261 ha, chiếm 30%.

3.3. Một số giải pháp quản lý đất lâm nghiệp hiện đang được sử dụng để sản xuất nông nghiệp theo hướng nông lâm kết hợp

Đối với công tác quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp; cần khẩn trương tiến hành: (1) Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các dự án chuyển đổi rừng sang các cây trồng khác và các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp từ năm 2006 đến nay, để xuất giải pháp phù hợp; (2) tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy đất lâm nghiệp bảo đảm việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Rà soát, đánh giá đúng thực trạng tình hình sử dụng đất của các tổ chức quản lý rừng; trước hết là các công ty trách nhiệm hữu hạn 1 - 2 thành viên lâm nghiệp, kiên quyết xử lý, thu hồi đối với những diện tích đang có vi phạm, hoàn thành dứt điểm việc quy hoạch sử dụng đất. Điều chỉnh các quy hoạch của ngành, xác định rõ ranh giới ngoài thực địa và cắm mốc; làm thủ tục giao đất (cho thuê đất) gắn với giao rừng (cho thuê rừng) theo tài liệu của cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng quản lý.

Tổ chức rà soát diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm để sản xuất nông nghiệp kể từ thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 1685/CT-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2011, đồng thời có kế hoạch phục hồi và trồng lại rừng bằng nhiều hình thức khác nhau, một trong những hình thức phục hồi lại rừng đối với những diện tích này được các tỉnh cho là khả thi là trồng xen cây lâm nghiệp vào những diện tích đất được quy hoạch lâm nghiệp nhưng hiện đang được sản xuất cây công nghiệp, cây nông nghiệp dài ngày theo hướng nông lâm kết hợp. Đối với diện tích đang xâm canh, chủ rừng phải tiến hành lập hồ sơ giao khoán cho người dân theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP sau khi đã thực hiện việc trồng xen cây lâm nghiệp. Tùy theo hiện trạng rừng, đất lâm nghiệp chủ rừng sẽ quyết định nội dung khoán cho phù hợp đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn khoán ổn định ở mức tối đa theo Nghị định là 20 năm để người dân yên tâm sản xuất, trồng rừng. Sau 20 năm, rà soát đánh giá, lấy ý kiến của chính quyền địa phương để gia hạn tiếp hợp đồng nếu triển khai đảm bảo có hiệu quả về kinh tế xã hội và môi trường:

Để thực hiện giải pháp phục hồi rừng bằng phương thức nông lâm kết hợp trên diện tích đất lâm nghiệp hiện đang trồng cây công nghiệp (cà phê), nhà nước cần hỗ trợ cây giống lâm nghiệp và vật tư cho cá nhân, hộ gia đình trồng cà phê trên diện tích đất lâm nghiệp hiện đang sản xuất nông nghiệp nhằm phục hồi rừng. Cà phê nhân có nguồn gốc từ các mô hình trồng xen cây lâm nghiệp có thể khai thác lợi thế bán hàng độc đáo là (i) ý nghĩa về sự đóng góp vào quá trình phục hồi rừng, (ii) chất lượng cà phê nhân tốt hơn nhờ trồng dơi tán rừng (cây che bóng), (iii) phương thức trồng xen canh chứ không phải độc canh. Lợi thế bán hàng độc đáo này cho phép hộ trồng cà phê bán được giá cao hơn so với cà phê trồng thuần thông thường.

4. KẾT LUẬN

Tổng diện tích rừng vùng Tây Nguyên tính đến tháng 10/2018 là 2,5 triệu ha, trong đó 2,2 triệu ha là rừng tự nhiên và gần 0,3 triệu ha là rừng trồng. Diện tích rừng tự nhiên chiếm 67% tổng diện tích đất lâm nghiệp (khoảng 90% tổng diện tích rừng), rừng trồng chiếm 8% và đất lâm nghiệp chưa có rừng ước tính chiếm khoảng 25% tổng diện tích đất lâm nghiệp.

Diện tích đất lâm nghiệp hiện đang sản xuất nông nghiệp (bao gồm cây công nghiệp và cây nông

NGHIỆP) toàn vùng Tây Nguyên là 208.265 ha, trong đó đất quy hoạch đặc dụng là 4.062 ha; đất quy hoạch phòng hộ là 39.497 ha và đất quy hoạch sản xuất là 164.707 ha. Các loài cây trồng được trồng trên đất lâm nghiệp ở vùng Tây Nguyên, bao gồm: cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (điều, cà phê, tiêu, bơ, sầu riêng,...) và cây nông nghiệp ngắn ngày (ngô, sắn, đậu,...).

Kết quả nghiên cứu một số mô hình trồng xen cây lâm nghiệp với cây cà phê tại tỉnh Lâm Đồng cho thấy, có đến 98,2% số người được hỏi đều cho rằng so với mô hình trồng cà phê thuần loài, mô hình trồng xen cây lâm nghiệp và một số cây ăn quả khác vào vườn cà phê không những không ảnh hưởng nhiều đến năng suất cà phê mà lượng nước tưới cho cà phê cũng giảm vì cây lâm nghiệp có tác dụng che bóng, giảm cường độ ánh sáng chiếu xuống mặt đất nên đất được giữ ẩm hơn, vì vậy lượng nước tưới cũng giảm.

Diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp hiện chủ yếu được hình thành do: (i) đất nông nghiệp được người dân sản xuất lâu đời nằm xen kẽ được đưa vào quy hoạch lâm nghiệp; (ii) đất lâm nghiệp được giao khoán để phát triển rừng nhưng người dân sử dụng sai mục đích chuyển sang sản xuất nông nghiệp; (iii) xâm lấn rừng trái phép để sản xuất nông nghiệp của người dân địa phương – đây là nguyên nhân chính dẫn đến mất rừng ở Tây Nguyên.

Nghiên cứu đã bước đầu đề xuất một số giải pháp quản lý đất lâm nghiệp hiện đang sản xuất nông nghiệp theo hướng trồng xen cây lâm nghiệp vào những diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp nhằm phục hồi rừng theo phương thức nông lâm kết hợp. Thực hiện giải pháp này sẽ đảm bảo quản lý ổn định diện tích đất lâm nghiệp, nâng cao độ che phủ rừng và đảm bảo sinh kế cho người dân địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Quang Bảo, Lê Nguyên Khang (2019). Thực trạng sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp ở khu vực Tây Nguyên. Kỳ yếu hội thảo phát triển nông nghiệp bền vững gắn với bảo vệ và phát triển rừng ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách. Nhà xuất bản Dân trí. Hà Nội.

2. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2016). Quyết định số 1819/QĐ-BNN-TCLN ngày 16/5/2017 về việc công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2016.

3. Chi cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum (2017). Niên giám Thống kê năm 2017.

4. Lê Nguyên Khang, Trần Lê Kiều Oanh, Nguyễn Tuấn Dương (2018). Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phục hồi rừng trên đất lâm nghiệp hiện đang sản xuất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp tại huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Tạp chí Rừng và Môi trường, số 91/2018.

5. Lê Nguyên Khang, Bùi Thị Minh Nguyệt (2017). Giải pháp ổn định sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững ở Lâm Đồng. Kỳ yếu hội thảo phát triển nông nghiệp bền vững gắn với bảo vệ và phát triển rừng ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách. Nhà xuất bản Dân trí. Hà Nội.

6. Tổng cục Lâm nghiệp (2017). Báo cáo rà soát, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hà Nội.

7. UBND tỉnh Đắk Nông (2017). Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông.

8. UBND tỉnh Lâm Đồng (2017). Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 về việc Phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

9. UBND tỉnh Lâm Đồng (2018). Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 9/10/2018 về việc Phê duyệt kết quả điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và cơ cấu 3 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.

9. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2016). Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015. Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên. Mã Số: KHCN-TN3/11-15. Hà Nội.

ACTUAL STATUS OF AGRICULTURAL PRODUCTION ON FOREST LAND IN THE CENTRAL HIGHLANDS OF VIETNAM

Dinh Van Tuyen, Bui Thi Minh Nguyệt, La Nguyen Khang, Tran Quang Bao

Summary

This article presents the results of the assessment of the actual status of agricultural production in forest land in the Central Highlands. Currently, the area of forestry land used for agricultural production (including industrial crops and agricultural crops) in the whole Central Highlands is 208,265 hectares, of which planned land for special-used, protection and production forests are 4,062 ha, 39,497 ha and 164,707 ha, respectively. In this area, local people are mainly planting long-term crops (cashew, coffee, pepper, durian) and short-term agricultural crops (maize, cassava and beans). Research results show that the intercropping of forest trees makes the quality of coffee enhanced by shading of forest trees and reducing the cost of watering for coffee (98.2% of respondents agreed). The area of agricultural production on forest land is mainly formed by: (i) long-time cultivated agricultural land scattering among forest land as planned for forestry land; (ii) forest land was contracted for forest development but forest owners used their land for agricultural production; (iii) illegal land encroachment for agricultural production by local people, this is the main reason causing deforestation in the Central Highlands, which has contributed to the expansion of agricultural production on forest land.

Keywords: *Agricultural production, forestry land, land encroachment, Central Highlands.*

Người phản biện: TS. Nguyễn Thanh Tân

Ngày nhận bài: 26/4/2019

Ngày thông qua phản biện: 28/5/2019

Ngày duyệt đăng: 4/6/2019